|  |  |
| --- | --- |
|  ỦY BAN NHÂN DÂN**TỈNH BẮC GIANG**Số: /TTr-UBND***"DỰ THẢO"*** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

 Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Khoản 1, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025;

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; trong đó, tại Điểm a, Khoản 5, Điều 7 quy định: *Ủy ban nhân dân các tỉnh căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

- Thông tư số...../TT-BTC ngày ... của Bộ Tài Chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; trong đó, tại Điểm b, Khoản 1, Điều 12 quy định: *Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc ủy quyền quyết định (đối với dự án do Bộ, cơ quan Trung ương trực tiếp thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định (đối với dự án do địa phương thực hiện) mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án, đảm bảo mức hỗ trợ hộ mới thoát nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ cận nghèo, mức hỗ trợ hộ cận nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ nghèo, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, tính chất của từng dự án và khả năng của ngân sách nhà nước;*

- Thông tư số...../TT-UBDT ngày ... của Ủy ban Dân tộc về Hướng dẫn thực hiện Dự án 1; Dự án 2; Tiểu dự án 2 của Dự án 3; Dự án 4; Tiểu dự án 2, Tiểu dự án 4 của Dự án 5; Dự án 9 và Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 của Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; trong đó, tại Điểm b, Khoản 5, Điều 27 quy định *UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định (đối với dự án do địa phương thực hiện) mức hỗ trợ tối đa cụ thể từ vốn ngân sách nhà nước của Chương trình cho từng loại dự án, kế hoạch liên kết (nâng cấp chuỗi giá trị sẵn có hoặc phát triển chuỗi giá trị mới), mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ không nghèo tham gia dự án, kế hoạch liên kết phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn vốn và không trái với quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.*

**2. Căn cứ thực tiễn**

Tỉnh Bắc Giang có 45 thành phần dân tộc thiểu số (DTTS) với khoảng 260 nghìn người, chiếm trên 14% dân số cả tỉnh, trong đó có 06 DTTS có đông dân số là Nùng, Tày, Sán Dìu, Sán Chay (Sán Chí và Cao Lan), Hoa và Dao chiếm 97,78%; các thành phần DTTS còn lại chiếm 2,22%. Đồng bào các DTTS c­­ư trú tập trung ở các xã, thị trấn thuộc các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và Lạng Giang.

Theo Quyết định số 861/QĐ-UBDT ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 20121-2025; Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Theo đó, tổng số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Bắc Giang được xác định theo 3 khu vực III, II, I giai đoạn 2021-2025 là 73 xã: Xã khu vực I: 36 xã, thị trấn; Xã khu vực II: 9 xã, thị trấn; Xã khu vực III: 28 xã; với tổng số thôn đặc biệt khó khăn là 244 thôn, trong đó có 178 thôn thuộc 28 xã khu vực III, 66 thôn thuộc 20 xã khu vực I và khu vực II.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, ban hành nhiều chính sách đầu tư, hỗ trợ nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN. Nhờ đó, cơ sở hạ tầng từng bước được hoàn thiện làm thay đổi cơ bản diện mạo của vùng; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các DTTS không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp nên vùng đồng bào DTTS&MN hiện nay vẫn là vùng khó khăn nhất và vẫn là “lõi nghèo”của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản còn thấp; đồng thời cũng là nơi chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu. Các huyện có đối tượng thụ hưởng Chương trình (Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế) là các huyện miền núi, vùng cao, có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, số thu ngân sách hàng năm sách thấp, khả năng đối ứng từ ngân sách huyện, xã rất khó khăn.

Do vậy, để đảm bảo ưu tiên vốn cho những huyện, xã, thôn khó khăn hơn nhằm tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các huyện, xã, thôn trên địa bàn, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời cũng là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện kế hoạch của Chương trình thì việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy địnhnguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang *(sau đây gọi tắt là Chương trình)* là căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện Chương trình.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Nội dung Nghị quyết không trái các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện, thực tiễn của địa phương. Xây dựng ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình đúng các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, đối tượng của Chương trình; đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả đầu tư và ưu tiên vốn cho những huyện, xã, thôn khó khăn hơn để tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

 **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

 UBND tỉnh có tờ trình số 29/TT-UBND ngày 14/01/2022 về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có văn bản số 50/HĐND-CTHĐND ngày 24/01/2022 V/v chấp thuận đề nghị xây dưng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc xin ý kiến tham gia góp ý của các sở, ngành, UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đã tiến hành đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh và cơ quan chủ trì soạn thảo. Các cơ quan, đơn vị đều nhất trí sự cần thiết ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang.

Tổng số cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến: ….., trong đó:

- Ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo: …… ý kiến.

- Ý kiến đóng góp: …. ý kiến, đã được Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình.

Dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số …. , Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra tại Báo cáo số …. . UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục: Nghị quyết ban hành kèm theo Quy định, cụ thể:

***\* Nghị quyết gồm 02 điều:***

Điều 1: Ban hành kèm theo Quy định.

Điều 2: Trách nhiệm, Điều khoản thi hành và hiệu lực của văn bản.

***\* Quy định gồm 8 điều:***

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương

Điều 5. Mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh

Điều 6. Quy định mức hỗ trợ đối với một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 8. Điều khoản thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

***2.1. Phạm vi điều chỉnh***

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn nguồn ngân sách trung ương; mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh; quy định mức hỗ trợ đối với một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Chương trình); là căn cứ để lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

***2.2. Đối tượng áp dụng***

a) Các cơ quan, Sở, ban, ngành của tỉnh; các huyện, xã và các đơn vị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình *(sau đây gọi tắt là sở, ngành tỉnh và huyện, xã).*

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định và giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

c) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện Chương trình.

***2.3. Nguyên tắc phân bổ vốn***

a) Tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg*) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Phân bổ vốn phải bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình.

c) Ưu tiên bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, đạt các mục tiêu của Chương trình đề ra. Ưu tiên bố trí cho địa bàn khó khăn nhất, địa phương có số thu ngân sách thấp nhất; các dự án đầu tư xây dựng công trình có tác động, tạo động lực lớn nhất đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025; giải quyết các vấn đề cấp bách, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn khó khăn.

## d) Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành tỉnh và các cấp chính quyền huyện, xã.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí.

***2.4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương***

a) Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) cho các sở, ngành tỉnh và huyện, xã thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương của huyện, xã: thực hiện theo Điều 5, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

***2.5. Mức đối ứng và nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh***

a) Mức đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh

Ngân sách tỉnh đối ứng 100% số vốn theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Điều 6, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg để thực hiện Chương trình.

b) Nội dung phân bổ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh

- Hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn với mức 04 triệu đồng/hộ để giải quyết tình trạng thiếu đất ở, 04 triệu đồng/hộ làm nhà ở.

- Hỗ trợ 100% số vốn còn thiếu theo dự án được duyệt (ngoài nguồn vốn của trung ương) đối với Dự án đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú do tỉnh quản lý, gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bắc Giang, Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sơn Động và Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Ngạn.

- Hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú do cấp huyện quản lý: không quá 90% đối với huyện Sơn Động và Yên Thế; không quá 80% đối với huyện Lục Ngạn; không quá 50% đối với huyện Lục Nam.

- Hỗ trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường liên xã: không quá 1.600 triệu đồng/km đối với huyện Sơn Động và Yên Thế; không quá 1.000 triệu đồng/km đối với huyện Lục Ngạn; không quá 800 triệu đồng/km đối với huyện Lục Nam.

- Hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Nội dung số 1, Tiểu dự án 1, Dự án 10 của Chương trình.

- Hỗ trợ đối với Hỗ trợ đối với Dự án 2 về Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; Nội dung số 2, Tiểu dự án 2, Dự án 3 thuộc Chương trình về đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Sơn Động.

***2.6 Quy định mức hỗ trợ đối với một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình***

a) Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ tối đa: không quá 2.000 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị liên kết triển khai trên địa bàn từ 02 huyện trở lên; không quá 1.500 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị liên kết triển khai trên địa bàn từ 02 xã trở lên; không quá 1.000 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị liên kết triển khai trên địa bàn 01 xã.

b) Các hộ tham gia dự án được hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ tối đa: không quá 30 triệu đồng/hộ đối với hộ nghèo; hộ cận nghèo bằng 80% mức hỗ trợ hộ nghèo và tối đa không quá 24 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo bằng 60% mức hỗ trợ hộ nghèo và tối đa không quá 18 triệu đồng/hộ.

c) Hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: mức hỗ trợ 100.000 đồng/người đến lớp và hoàn thành khóa học.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN:** Không.

*(Gửi kèm theo Tờ trình này: (i) Dự thảo Nghị quyết; (ii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; (iii) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (iv) Báo cáo thẩm tra số .... ngày .... của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh; (v) Các tài liệu có liên quan).*

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Đại biểu dự kỳ họp;- VP UBND tỉnh: LĐVP; TKCT;- Lưu: VT, TH. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** |